TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **125**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 04 - 2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 253/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ , này 22 tháng 02 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 205/TB-TA, ngày 14 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ X, ấp A, thị trấn AP, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn Bé T2 sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ Y, ấp S, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, trình bày của bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Phạm Thị T1 và ông Lê Văn Bé T2 là do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 289 ngày 07 tháng 08 năm 2003.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Phạm Thị T1 và ông Lê Văn Bé T2 có 02 (hai) con chung là cháu Lê Anh T3, sinh ngày 20/8/2000 và cháu Lê T3 K, sinh ngày 11/9/2007. Cháu Anh T3 đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường và đã sống tự lập. Cháu Tuấn K đang học lớp 9, hiện ở cùng bà T1. Bà T1 và ông T2 thống nhất, nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì cháu K sống với ai là tùy nguyện vọng của cháu. Bên trực tiếp nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo bà T1, nguyên nhân bà T1 xin ly hôn là do ông T2 thường uống rượu, vợ chồng thường cự cãi, ông T2 có lời nói, hành động không đúng mực với mẹ của bà. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T2 không thay đổi. Cảm thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên bà T1 có yêu cầu xin ly hôn với ông T2. Tuy nhiên ông Lê Văn Bé T2 không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ con.

Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Lê Tuấn K: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 30/12/2021, cháu K có nguyện vọng được chung sống với bà T1 khi ông T2 và bà T1 ly hôn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố Đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà T1 và ông T2 tại Biên bản hòa giải; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T1. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị chấp nhận nguyện vọng của cháu Lê Tuấn K, giao cháu K cho bà T1 trực tiếp nuôi dạy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị T1 khởi kiện xin ly hôn với ông Lê Văn Bé T2 và có nguyện vọng nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung". Bị đơn ông Lê Văn Bé T2 đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại ấp S, xã K, huyện An

Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa. Bà T1 có đơn xin không tham gia phiên tòa, ông T2 vắng mặt không lý do. Như vậy bà T1, ông T2 đã từ bỏ quyền tham gia phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà T1, ông T2 tại Biên bản hòa giải ngày 30/12/2021; kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà T1 và ông T2 là do bất đồng quan điểm sống, ông T2 thường uống rượu và có lời lẽ không hay, nên vợ chồng thường cự cãi. Đồng thời ông T2 hay có hành động thiếu tôn trọng mẹ bà T1. Bà T1 và ông T2 đã ly thân. Trong thời gian ly thân, cũng như trong thời gian Tòa án tiến hành giải quyết, ông T2 có nguyện vọng đoàn tụ nhưng bà T1 cương quyết xin được ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà T1 và ông T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị T1 là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Đối với cháu Lê Anh T3 đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường và đã sống tự lập, nên không xem xét giải quyết. Cháu Lê Tuấn K có nguyện vọng sống với bà T1. Xét cháu K đang học lới 9 Trường THCS Khánh Bình và đang được bà T1 nuôi dạy tốt. Do đó giao cháu K cho bà T1 trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn là phù hợp nguyện vọng của cháu và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Công nhận sự tự nguyện của bà T1 về việc không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 và ông T2 không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí, bà Phạm Thị T1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông Lê Văn Bé T2 không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T1,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T1 được ly hôn với ông Lê Văn Bé T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 289 do Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 27/08/2003 cho ông Lê Văn Bé T2 và bà Phạm Thị T1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị T1 được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Lê Tuấn K, sinh ngày 11/9/2007. Ông Lê Văn Bé T2 không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Lê Văn Bé T2 và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà Phạm Thị T1. Ngược lại, bà T1 và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông T2.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị T1 phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006618 ngày 10/11/2021. (Bà T1 đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Phạm Thị T1 và ông Lê Văn Bé T2. Thời hạn kháng cáo của bà T1 và ông T2 là 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Khánh Bình (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Sáu